TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2019
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 857/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1993.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1992.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đặng Văn Hiệp**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày*:

Chị và anh Đặng Văn T chung sống vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 61/2012, quyển số 01/2012 ngày 12/7/2012).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do một phần do lỗi của chị là thiếu nợ mà không báo cho anh T biết, còn một phần do anh T hay nóng giận và đánh đập, xua đuổi chị nên vợ chồng bất hòa. Từ tháng 12/2018 , anh chị sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh T vì vợ chồng hết tình cảm.

- Con chung: có 02 cháu là Đặng Văn N – sinh ngày 29/9/2011 và Đặng Văn T1 – sinh ngày 05/8/2016. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng anh T và gia đình anh T. Nếu ly hôn, chị tự nguyện giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập T bình mỗi tháng 6.000.000 đồng và đang sống ở nhà mẹ ruột (tại xã Phú Hữu).

- Tài sản chung gồm: 01 lượng vàng 24K và 01 bộ vòng 18K, nay chị rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đặng Văn T trình bày*:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo chị N khai là đúng. Anh và chị N chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N đi làm gây nợ mà không báo cho anh biết nên vợ chồng cãi nhau. Từ tháng 12/2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình.

- Con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Đặng Văn N– sinh ngày 29/9/2011 và Đặng Văn T1 – sinh ngày 05/8/2016. Hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nếu ly hôn, anh xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh cam đoan tạo điều kiện cho chị N đến thăm nom, chăm sóc con chung.

Hiện nay anh làm nghề thả lưới và phụ gia đình (nghề xây dựng) nên có khả năng nuôi con. Anh có chỗ ở ổn định, có cha mẹ phụ giúp chăm sóc con chung.

- Tài sản chung gồm: 01 lượng 24K – 9999 và 01 bộ vòng ximen 07 chiếc. Do cha anh (ông Đăng Văn Hiệp) gặp khó khăn nên anh đã đưa 01 lượng vàng này cho ông Hiệp. Hiện nay anh chỉ còn giữ 06 chiếc vòng xi men, 01 chiếc vòng xi men còn lại thì chị N đang giữ. Nay anh không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Hiệp trình bày*: Ông là cha ruột anh Đặng Văn T, chị Nguyễn Thị Tuyết N là con dâu.

Việc chị N xin ly hôn anh T, ông không có ý kiến gì.

Đối với việc anh T, chị N khai vào năm 2012 ông có cho vợ chồng anh T, chị N

số tiền 25.000.000 đồng để mua 02 con trâu là đúng. Sau klhi bán trâu thì mua 01 lượng vàng 24K – 9999. Khoảng vào tháng 4/2018 do thấy nhà ở của anh T, chị N hơi nhỏ nên ông cất thêm cho anh T, chị N 01 phòng, lúc cất nhà xong do không đủ tiền vật tư nên anh T đã đưa lại cho ông 01 lượng vàng 24K – 9999 để bán trả nợ, vì vậy hiện nay số vàng này không còn.

Ông xác định không tranh chấp gì với anh T, chị N nên xin được vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng, kể cả khi xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị N và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự khai là do chị N đi làm gây ra nợ nần nên vợ chồng bất hòa. Nay chị N xin ly hôn với anh T, tự nguyện giao 02 con chung là cháu Đặng Văn N – sinh ngày 29/9/2011 và cháu Đặng Văn T1 – sinh ngày 05/8/2016 cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị N không cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý. Vì vậy đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

Đối với việc chị N tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N và bị đơn anh Đặng Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xin ly hôn với anh Đặng Văn T. Anh T cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là " Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là Nguyễn Thị Tuyết N, bị đơn là anh Đặng Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N chung sống với anh Đặng Văn T vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2012, quyển số 01/2012 ngày 12/7/2012

nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị N cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng, anh T đồng ý thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thì thấy: nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi làm gây nợ nần mà không cho anh T biết nên vợ chồng bất hòa.Từ tháng 12/2018 anh chị sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy cần cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị N và anh T thừa nhận anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Văn N – sinh ngày 29/9/2011 và cháu Đặng Văn T1 – sinh ngày 05/8/2016. Chị N tự nguyện giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị N không cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của chị N, anh T là tự nguyện phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Tài sản chung, nợ chung:

- Tài sản chung: Ngày 14/02/2019 chị N rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản của chị N là hoàn toàn tự nguyện nên cần căn cứ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

- Nợ chung: Chị N, anh T khai không có nên không xem xét.

- Chị N, anh T và ông Hiệp không tranh chấp 01 lượng vàng 24K mà anh T đã đưa cho ông Hiệp nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí HNGĐ theo quy định. Trả lại cho chị N số tiền 450.000 đồng tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35,147, 217, 220, 227, 228, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết N về việc "Ly hôn" đối với anh Đặng Văn T.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Đặng Văn N– sinh ngày 29/9/2011 và cháu Đặng Văn T1– sinh ngày 05/8/2016 cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000081 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho chị N số tiền 450.000 đồng.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Phú Đông;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai